

**Biểu mẫu 05**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ POMLÓT

**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017

của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	<p>- <b>Đối với lớp 1:</b> Tuyển hết trẻ trong độ tuổi (6 tuổi) có hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn xã. Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo Thông tư Số: 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&amp;ĐT;</p> <p>- <b>Đối với lớp 2,3,4,5:</b> Lớp 2,3: Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo Thông tư Số: 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&amp;ĐT;</p> <p>Lớp 4,5: Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>- Tiếp nhận trẻ trong độ tuổi đang tạm trú, lưu trú tại xã, có xác nhận của công an địa phương. Học sinh chuyển trường đến có đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	<p>- Lớp 1,2,3: Thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 Ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018;</p> <p>- Lớp 4,5: Thực hiện chương trình giáo dục ban hành theo Quyết định 16/2006/QĐ ngày 05/5/2006 của Bộ GD&amp;ĐT và các văn bản chỉ đạo dạy học 2b/ngày của ngành.</p> <p>- Học sinh lớp 3, 4, 5 được học môn tiếng Anh 4 tiết/tuần. Lớp 1,2 được học môn tiếng Anh 2 tiết/tuần.</p>
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</b>  <b>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	<p>- Có Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT) và Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 41/2010/TT-BGDĐT); có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Phối, kết hợp tốt với các đoàn thể ở địa phương trong việc giáo dục học sinh. Thực hiện tốt thông tin 2 chiều thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc email giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh. Thực hiện hợp đồng kỳ giữa nhà</p>

		<p>trường với Ban đại diện Cha mẹ học sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ Trường tiểu học, tuân thủ theo nội quy học sinh.</li> </ul>
<b>IV</b>	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống tai nạn, thương tích, ... Đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ, ... nhằm phục vụ cho việc giáo dục toàn diện cho học sinh.</li> <li>- Học sinh nghèo, có hoàn cảnh thật sự khó khăn được xét cấp học bổng do các ban ngành tài trợ; Học sinh thuộc hộ nghèo được xét cấp hỗ trợ chi phí học tập, bảo hiểm y tế.</li> </ul>
<b>V</b>	<b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 29/9/2016. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đảm bảo tốt, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên về học tập, về năng lực, phẩm chất của học sinh.</li> <li>+ Đánh giá định kỳ về nội dung định kỳ các môn học, hoạt động giáo dục: phần đầu 99 % trở lên học sinh đạt mức Hoàn thành tốt và Hoàn thành.</li> <li>+ Đánh giá định kỳ về phẩm chất và năng lực: 100% Tốt, Đạt.</li> </ul> </li> <li>- Đảm bảo an toàn, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học cho học sinh.</li> <li>- Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.</li> <li>- Phần đầu là đơn vị có môi trường giáo dục, chất lượng giáo dục tốt.</li> </ul>
<b>VI</b>	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	<p>Phần đầu không có học sinh bỏ học. Đảm bảo chất lượng kiến thức theo chuẩn đề học sinh học lên lớp trên, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được tiếp tục học lên THCS.</p>

Pom Lát, ngày 13 tháng 06 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Thu**

**Biểu mẫu 06**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ POMLÓT

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế  
năm học 2022-2023**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>584</b>	<b>105</b>	<b>111</b>	<b>120</b>	<b>97</b>	<b>151</b>
<b>II</b>	<b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>	<b>584</b>	<b>105</b>	<b>111</b>	<b>120</b>	<b>97</b>	<b>151</b>
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>	<b>584</b>	<b>105</b>	<b>111</b>	<b>120</b>	<b>97</b>	<b>151</b>
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	<i>313 53,6%</i>	<i>69 65,7%</i>	<i>73 65,8%</i>	<i>100 83,3</i>	<i>25 25,8</i>	<i>46 30,5%</i>
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	<i>271 46,4%</i>	<i>36 34,3%</i>	<i>38 34,2%</i>	<i>20 16,7</i>	<i>72 74,2</i>	<i>105 69,5%</i>
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>	<b>584</b>	<b>105</b>	<b>111</b>	<b>120</b>	<b>97</b>	<b>151</b>
1	<i>Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)</i>	<i>94 28%</i>	<i>28 26,7</i>	<i>31 27,9%</i>	<i>35 29,1%</i>		
2	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	<i>193 33%</i>	<i>41 39%</i>	<i>42 37,8%</i>	<i>47 39,1%</i>	<i>25 25,8</i>	<i>38 25,2%</i>
3	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	<i>297 50,9%</i>	<i>36 34,3%</i>	<i>38 34,2%</i>	<i>38 31,8%</i>	<i>72 74,2</i>	<i>113 74,8%</i>
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>						



**Biểu mẫu 07**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ POMLÓT

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	<b>23/23</b>	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	20	1,74m <sup>2</sup> /HS
2	Phòng học bán kiên cố	3	1,47m <sup>2</sup> /HS
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	2	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	14430,8m <sup>2</sup>	26m <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2790m <sup>2</sup>	5m <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1307 m <sup>2</sup>	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	986 m <sup>2</sup>	1,78m <sup>2</sup> /HS
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	90 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	172m <sup>2</sup>	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	38 m <sup>2</sup>	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	90 m <sup>2</sup>	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	27	01 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	5	05 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	4	04 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	5	05 bộ/lớp

1.4	Khối lớp 4	4	04 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	5	05 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	19	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Tăng âm loa đài	01	
6	Máy chiếu	15	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	20 m <sup>2</sup>
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>			
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>			

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Có	Riêng	Có	Riêng	0,2 m <sup>2</sup> /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

*Pom Lát, ngày 13 tháng 6 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Thu**

**Biểu mẫu 08**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ POM LÓT

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>43</b>		<b>1</b>	<b>33</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>03</b>	<b>12</b>	<b>25</b>	<b>14</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>I Giáo viên</b>	<b>36</b>			<b>31</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>23</b>				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	8			7	1				1	7	2	6	0	0
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3	3		2	1			1	1	1	1	2		
3	Tin học	1	1		1						1	1			
4	Âm nhạc	1	1		1					1			1		
5	Mỹ thuật	1	1		1						1		1		
6	Thể dục	2	2		2						2		2		
	<b>II Cán bộ quản lý</b>	<b>02</b>													
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
	<b>III Nhân viên</b>	<b>05</b>													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Bảo vệ	1						1							

Pom Lót, ngày 13 tháng 6 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Thu**



